

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2012 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Tuấn Phong	Chủ tịch
Bà Tạ Thu Thủy	Ủy viên
Bà Cao Thanh Dung	Ủy viên
Ông Phạm Quốc Khánh	Ủy viên
Ông Vương Toàn	Ủy viên

Ban Giám đốc

Bà Tạ Thu Thủy	Giám đốc
Ông Đào Mạnh Tuấn	Phó Giám đốc
Bà Cao Thanh Dung	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Tạ Thu Thủy

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2013

Số: 05 /2013/BCTC-VAHP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 08/02/2013, từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 02 và trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Tuy nhiên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc rằng:

Năm 2012, Công ty chưa xác định giá thị trường đối với sản phẩm trong các giao dịch liên kết và kê khai các giao dịch liên kết theo mẫu GCN-01/QLT quy định tại Phụ lục 1-GCN/CC ban hành kèm theo Thông tư số 66/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010 của Bộ Tài chính, cũng như điều chỉnh ảnh hưởng liên quan đến chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (nếu có).

Vũ Thị Hương Giang
Phó Giám đốc
Số chứng chỉ KTV: 0388/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Ngày 08 tháng 02 năm 2013

Vũ Hoài Nam
Kiểm toán viên
Số chứng chỉ KTV: 1436/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		36.319.325.143	40.503.295.991
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.164.349.666	8.407.539.873
1. Tiền	111		3.164.349.666	1.947.539.873
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.460.000.000
III- Các khoản phải thu	130		12.543.672.015	9.748.785.064
1. Phải thu khách hàng	131		1.652.114.410	4.513.203.150
2. Trả trước cho người bán	132		9.811.449.295	4.174.380.200
5. Các khoản phải thu khác	135	6	1.080.108.310	1.061.201.714
IV- Hàng tồn kho	140		19.402.011.928	20.116.624.952
1. Hàng tồn kho	141	7	19.402.011.928	20.116.624.952
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.209.291.534	2.230.346.102
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		976.417.739	1.648.867.891
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	71.473.795	499.629.561
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	161.400.000	81.848.650
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250)	200		188.416.331.024	165.550.749.312
II- Tài sản cố định	220		165.916.331.024	143.050.749.312
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	79.657.903.876	101.192.505.293
- Nguyên giá	222		269.709.803.565	266.549.048.565
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(190.051.899.689)	(165.356.543.272)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	763.809.033	1.072.234.635
- Nguyên giá	228		1.849.141.011	1.849.141.011
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.085.331.978)	(776.906.376)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	85.494.618.115	40.786.009.384
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		22.500.000.000	22.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	22.500.000.000	22.500.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		224.735.656.167	206.054.045.303

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		65.812.006.744	49.154.966.778
I- Nợ ngắn hạn	310		37.540.710.555	28.043.137.888
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	15.014.124.152	3.327.386.460
2. Phải trả người bán	312		2.103.409.468	5.806.538.448
3. Người mua trả tiền trước	313		327.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	7.411.138.507	7.354.353.619
5. Phải trả người lao động	315		7.666.878.239	5.132.477.578
6. Chi phí phải trả	316	16	857.373.022	834.049.095
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	1.209.086.479	2.708.654.691
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.278.373.688	2.879.677.997
II- Nợ dài hạn	330		28.271.296.189	21.111.828.890
3. Phải trả dài hạn khác	333		693.700.000	693.700.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	18	23.088.825.399	16.193.898.409
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.001.617.507
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		4.488.770.790	3.222.612.974
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		158.923.649.423	156.899.078.525
I- Vốn chủ sở hữu	410		158.923.649.423	156.899.078.525
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19	91.792.900.000	91.792.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	19	7.905.062.000	7.905.062.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	19	37.157.005.043	33.350.720.281
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	19	4.027.183.258	3.414.094.197
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	19	18.041.499.122	20.436.302.047
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		224.735.656.167	206.054.045.303

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B01-DN

CHỈ TIÊU	ĐVT	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ	USD	91,75	91,63
- Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	66,14	65,70

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng

Giám đốc

Cao Thanh Dung

Tạ Thu Thủy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	343.862.084.976	329.157.505.538
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	104.286.676.489	100.102.600.301
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	239.575.408.487	229.054.905.237
4. Giá vốn hàng bán	11	21	180.679.918.184	171.310.274.227
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		58.895.490.303	57.744.631.010
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	959.775.219	1.438.161.152
7. Chi phí tài chính	22	23	1.263.299.944	3.918.933.464
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.263.299.944	3.918.577.870
8. Chi phí bán hàng	24		18.817.100.728	15.024.870.544
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.708.397.842	13.297.015.392
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		23.066.467.008	26.941.972.762
11. Thu nhập khác	31	24	1.606.931.057	599.010.509
12. Chi phí khác	32	24	616.399.561	285.051.513
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	24	990.531.496	313.958.996
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		24.056.998.504	27.255.931.758
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	6.176.471.848	6.819.629.711
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		17.880.526.656	20.436.302.047
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.948	2.226

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng

Giám đốc

Cao Thanh Dung

Tạ Thu Thủy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		24.056.998.504	27.255.931.758
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	10,11	25.603.782.019	25.014.355.348
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	22	(134.447)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.082.368.045)	(1.438.161.152)
- Chi phí lãi vay	06	23	1.263.299.944	3.918.577.870
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		49.841.577.975	54.750.703.824
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.563.074.068)	(1.070.892.656)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		714.613.024	(1.527.438.952)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.884.481.018)	(4.964.809.308)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		833.422.618	(658.165.676)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.353.666.130)	(3.976.878.430)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.539.442.113)	(14.669.860.311)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		19.976.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.752.482.000)	(2.033.037.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		37.316.444.288	25.849.620.891
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(48.454.866.669)	(17.917.759.224)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	24	122.727.273	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		-	(120.702.481.838)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	120.702.481.838
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22	959.640.772	1.438.161.152
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(47.372.498.624)	(16.479.598.072)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		81.283.651.977	47.415.870.890
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(62.701.987.295)	(49.055.218.248)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19	(13.768.935.000)	(4.336.591.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.812.729.682	(5.975.938.858)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.243.324.654)	3.394.083.961
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	8.407.539.873	5.013.455.912
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	22	134.447	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	3.164.349.666	8.407.539.873

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2012.

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng

Giám đốc

Cao Thanh Dung

Tạ Thu Thủy

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 2519/QĐ-UB ngày 23/9/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về chuyển Công ty Bia Hải Phòng là doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần, Quyết định số 2514/QĐ-UBND ngày 01/11/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về chuyển nhượng cổ phần Nhà nước tại Công ty Cổ phần Bia Hải Phòng cho Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (nay là Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội). Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0203001024 ngày 20/9/2004, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi: lần thứ nhất ngày 07/11/2005, lần thứ hai ngày 10/9/2007, lần thứ ba ngày 10/7/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ: 91.792.900.000 VND.

Tổng công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội: 59.670.000.000 VND (65% vốn điều lệ)

Cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp: 32.122.900.000 VND (35% vốn điều lệ)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất nước uống có cồn và không cồn: bia các loại, rượu, nước ngọt;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 16 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền

Tiền: phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm 31/12/2012, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

4.3 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Năm 2012, Công ty không có chênh lệch tỷ giá phát sinh. Các tài sản dưới dạng tiền bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo bình quân của tỷ giá mua chuyển khoản USD của Ngân hàng TMCP Á Châu và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và tỷ giá mua chuyển khoản EUR của Ngân hàng TMCP Á Châu tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại được phản ánh vào Chênh lệch tỷ giá hối đoái và được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm 31/12/2012 là 20.805 VND/USD và 27.350 VND/EUR.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ đồng thời được theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết và tài khoản 007 "Ngoại tệ các loại".

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo chi phí sản xuất định mức.

Tập hợp chi phí và tính giá thành theo phương pháp giản đơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Dụng cụ quản lý	03 - 07

Trong năm, Công ty mua sắm mới 01 xe ô tô 5 chỗ Lexus RX350 có biển kiểm soát 15A-058.97 với nguyên giá là 2.463.181.818 VND. Theo Quyết định số 99^BQĐ/GĐ/HN-HP/2012 ngày 27/10/2012 của Giám đốc Công ty, tài sản này được giao cho bộ phận tiêu thụ sản phẩm thuộc phòng Tổng hợp Công ty quản lý và sử dụng để phục vụ công tác thị trường, bán hàng và phục vụ bán hàng.

4.6 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm: phần mềm quản lý và quyền sử dụng đất. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất là các chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng 3.991 m² đất tại số 16 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng và 17.865 m² đất tại số 85 Lê Duẩn, Kiến An, Hải Phòng. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm quản lý được ghi nhận ban đầu theo giá mua, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm, kể từ năm 2009.

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí cải tạo, mở rộng Nhà máy bia số 2 - Quán Trữ, chi phí mua quyền sử dụng đất tại khu đô thị Cự Viên, chi phí cho dự án di dời Nhà máy bia số 1 - Lạch Tray sang Nhà máy bia số 2 - Quán Trữ, chi phí xây dựng trạm biến áp điện chưa hoàn thành tại thời điểm 31/12/2012, được ghi nhận theo giá gốc.

4.8 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty liên kết là khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần HABECO - Hải Phòng (chiếm 25% vốn điều lệ). Khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Số vốn góp đến 31/12/2012 bằng 100% số vốn đã cam kết góp (tương đương 22.500.000.000 VND).

Năm 2012, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ một khoản lãi hoặc lỗ nào từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết do Công ty liên kết đang trong quá trình hoạt động và lỗ theo kế hoạch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

4.9 Các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

Tổng số chi phí đi vay được vốn hoá và ghi nhận vào giá trị tài sản trong năm là 3.617.106.156 VND.

Tỷ lệ chi phí đi vay được vốn hoá trong năm là 74,11%.

4.10 Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí phải trả bao gồm tiền điện, nước, tiền ăn ca, chi phí vỏ chai bia Hà Nội hao vỡ trong sản xuất, phụ cấp Hội đồng quản trị và chi phí lãi vay phát sinh trong năm nhưng đến 31/12/2012 chưa thanh toán hoặc chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ.

4.11 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học, công nghệ tại Việt Nam. Năm 2012, Công ty trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ khoảng 5% tổng lợi nhuận kế toán trước thuế theo quy định tại Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính và hạch toán vào chi phí trong kỳ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 31/12/2012 bao gồm vốn góp của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung.

Các quỹ được trích lập và sử dụng căn cứ theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/HN-HP/2012 ngày 27/3/2012, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty ngày 01/4/2012. Theo đó, trong năm 2012, Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011 như sau: trích quỹ đầu tư phát triển 3.806.284.762 VND, trích quỹ dự phòng tài chính 613.089.061 VND, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 1.634.904.163 VND, trích quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành 613.089.061 VND và chia cổ tức 13.768.935.000 (VND tương ứng tỷ lệ 15%).

4.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hoá được chuyển sang người mua, đồng thời Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ và chênh lệch tỷ giá phản ánh lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán 31/12/2012.

4.14 Ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính là lãi tiền vay, được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế.

4.15 Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Năm 2012, Công ty không xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.16 Bên liên quan

Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội góp 65% vốn điều lệ và có khả năng kiểm soát đối với Công ty. Theo đó, Tổng công ty này được coi là bên liên quan (Công ty mẹ) của Công ty.

Công ty góp 25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần HABECO - Hải Phòng và cả hai Công ty đều chịu sự chi phối của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội. Theo đó, Công ty này được coi là bên liên quan (Công ty liên kết) của Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 29.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.466.435.033	599.279.622
Tiền gửi ngân hàng	1.697.914.633	1.348.260.251
Các khoản tương đương tiền	-	6.460.000.000
Cộng	3.164.349.666	8.407.539.873

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	77.658.385	387.844.049
Vỏ bock trong lưu thông	96.413.776	59.106.878
Công cụ, dụng cụ khác trong lưu thông	3.387.392	4.872.959
Chai pêt trong lưu thông	874.672.651	527.214.097
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp nộp thừa	-	22.103.208
Phải thu khác	27.976.106	60.060.523
Cộng	1.080.108.310	1.061.201.714

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.373.305.602	7.084.267.195
Công cụ, dụng cụ	6.207.249.318	5.431.848.231
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.158.988.385	5.477.704.369
Thành phẩm	2.662.468.623	2.122.805.157
Cộng	19.402.011.928	20.116.624.952

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	421.811.677
Thuế tài nguyên nộp thừa	71.473.795	77.817.884
Cộng	71.473.795	499.629.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	1.448.650
Tạm ứng	161.400.000	80.400.000
Cộng	161.400.000	81.848.650

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2012	15.545.647.431	243.777.874.313	3.395.809.436	3.829.717.385	266.549.048.565
Tăng trong năm	562.372.727	60.000.000	2.869.852.273	268.530.000	3.760.755.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	600.000.000	-	600.000.000
Số dư tại 31/12/2012	16.108.020.158	243.837.874.313	5.665.661.709	4.098.247.385	269.709.803.565
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Số dư tại 01/01/2012	12.177.365.831	148.501.808.219	2.396.154.396	2.281.214.826	165.356.543.272
Khấu hao trong năm	881.322.718	23.520.306.715	395.030.542	498.696.442	25.295.356.417
Thanh lý, nhượng bán	-	-	600.000.000	-	600.000.000
Số dư tại 31/12/2012	13.058.688.549	172.022.114.934	2.191.184.938	2.779.911.268	190.051.899.689
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2012	3.368.281.600	95.276.066.094	999.655.040	1.548.502.559	101.192.505.293
Số dư tại 31/12/2012	3.049.331.609	71.815.759.379	3.474.476.771	1.318.336.117	79.657.903.876

31/12/2012 (VND)

	Nguyên giá	Giá trị còn lại
TSCĐ đã khấu hao hết còn sử dụng	90.004.320.938	-
TSCĐ chờ thanh lý	10.970.209.392	-
TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay	68.582.133.381	25.547.007.153

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm quản lý	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2012	1.542.128.011	307.013.000	1.849.141.011
Số dư tại 31/12/2012	1.542.128.011	307.013.000	1.849.141.011
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Số dư tại 01/01/2012	776.906.376	-	776.906.376
Khấu hao trong năm	308.425.602	-	308.425.602
Số dư tại 31/12/2012	1.085.331.978	-	1.085.331.978
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2012	765.221.635	307.013.000	1.072.234.635
Số dư tại 31/12/2012	456.796.033	307.013.000	763.809.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	40.786.009.384	37.328.016.163
Tăng trong năm	45.156.017.186	17.415.521.044
Kết chuyển sang tài sản cố định	406.670.455	13.957.527.823
Kết chuyển giảm khác	40.738.000	-
Tại ngày 31 tháng 12 (*)	85.494.618.115	40.786.009.384
(*) Bao gồm:	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Cải tạo, mở rộng nhà máy bia số 2 (hệ thống xử lý nhiên liệu, nhà nấu, silo - phần thiết bị)	41.296.675.968	11.716.625.327
Quyền sử dụng đất tại khu đô thị Cựu Viên	28.979.090.910	28.389.446.783
Cải tạo, mở rộng nhà máy bia số 2 (hệ thống xử lý nhiên liệu, nhà nấu, silo - phần xây lắp)	9.460.373.363	-
Hệ thống thiết bị lạnh	3.920.090.509	-
Dự án di dời nhà máy bia số 1 (móng silo và nhà)	1.709.525.365	617.937.274
Dự án di dời nhà máy bia số 1 (tìm hiểu tác động môi trường)	155.600.000	62.000.000
Trạm biến áp điện	10.000.000	-
Máy phát điện	4.000.000	-
Cải tạo, mở rộng nhà máy bia số 2 (hệ thống xử lý nước thải)	(40.738.000)	-
Cộng	85.494.618.115	40.786.009.384

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần HABECO - Hải Phòng	22.500.000.000	22.500.000.000
Cộng	22.500.000.000	22.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	15.014.124.152	-
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng (*)	15.014.124.152	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	3.327.386.460
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng	-	3.327.386.460
Cộng	15.014.124.152	3.327.386.460

(*) **Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HAP.DN.01180412/HMTD ngày 19/4/2012 giữa Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng (gọi tắt là “ACB”) và Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng. Theo đó:**

Hạn mức tín dụng	: 30.000.000.000 VND
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất bia
Thời hạn vay	: 12 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng
Lãi suất	: Quy định trong từng khế ước nhận nợ
Hình thức đảm bảo	: Tín chấp
Số dư tại 31/12/2012	: 15.014.124.152 VND

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	983.646.980	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.592.307.398	5.248.723.122
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.207.420.655	1.570.390.920
Thuế thu nhập cá nhân	79.843.474	780.577
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	547.920.000	534.459.000
Cộng	7.411.138.507	7.354.353.619

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước tiền ăn ca	114.660.000	115.139.000
Chi phí lãi vay	148.472.081	183.603.205
Chi phí phải trả khác	594.240.941	535.306.890
Cộng	857.373.022	834.049.095

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	170.477.588	118.442.204
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	63.285.000	63.285.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	975.323.891	2.526.927.487
<i>Đặt cược chai, két</i>	<i>530.110.250</i>	<i>424.660.250</i>
<i>Đặt cược vỏ, bock</i>	<i>438.305.000</i>	<i>445.205.000</i>
<i>Phải trả cổ tức cho các cổ đông khác</i>	<i>4.171.775</i>	<i>4.171.775</i>
<i>Thuế TNCN thu thừa của người lao động</i>	<i>917.350</i>	<i>46.793.462</i>
<i>Khác</i>	<i>1.819.516</i>	<i>1.606.097.000</i>
Cộng	<u>1.209.086.479</u>	<u>2.708.654.691</u>

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	23.088.825.399	16.193.898.409
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng (*)	23.088.825.399	16.193.898.409
Cộng	<u>23.088.825.399</u>	<u>16.193.898.409</u>

(*) **Hợp đồng vay tín dụng dài hạn số HAP.DN.05190111/DH ngày 19/01/2011 giữa Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng (gọi tắt là “ACB”) và Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng. Theo đó:**

Số tiền vay	: 151.000.000.000 VND
Mục đích vay	: Đầu tư xây dựng công trình di dời nhà máy bia số 1 tại 16 Lạch Tray về nhà máy bia số 2 tại 85 Lê Duẩn, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng
Thời hạn vay	: 84 tháng, kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu
Lãi suất	: Quy định trong từng kế ước nhận nợ
Tài sản đảm bảo	: Chứng thư bảo lãnh ngày 19/01/2011 của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội. Các tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm: toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng, nhà kho thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng tại số 85 Lê Duẩn, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng
Số dư tại 31/12/2012	: 23.088.825.399 VND
Số phải trả trong năm 2013	: 0 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LNST chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	91.792.900.000	7.905.062.000	23.835.145.241	2.649.875.015	25.473.972.722
Tăng trong năm trước	-	-	9.515.575.040	764.219.182	20.436.302.047
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	25.473.972.722
Số dư cuối năm trước	91.792.900.000	7.905.062.000	33.350.720.281	3.414.094.197	20.436.302.047
Số dư đầu năm nay	91.792.900.000	7.905.062.000	33.350.720.281	3.414.094.197	20.436.302.047
Tăng trong năm nay	-	-	3.806.284.762	613.089.061	18.041.499.122
Giảm trong năm nay	-	-	-	-	20.436.302.047
Số dư cuối năm nay	91.792.900.000	7.905.062.000	37.157.005.043	4.027.183.258	18.041.499.122

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	31/12/2012		01/01/2012	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Tổng công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	59.670.000.000	59.670.000.000	59.670.000.000	59.670.000.000
Các cổ đông khác	32.122.900.000	32.122.900.000	32.122.900.000	32.122.900.000
Cộng	91.792.900.000	91.792.900.000	91.792.900.000	91.792.900.000

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu năm	20.436.302.047	25.473.972.722
Tăng trong năm	18.041.499.122	20.436.302.047
Lợi nhuận trong năm	17.880.526.656	20.436.302.047
Tăng khác (*)	160.972.466	-
Giảm trong năm	20.436.302.047	25.473.972.722
Trích quỹ đầu tư phát triển	3.806.284.762	9.515.575.040
Trích quỹ dự phòng tài chính	613.089.061	764.219.182
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.634.904.163	2.037.917.818
Trích quỹ khen thưởng HĐQT, Ban điều hành	613.089.061	764.219.182
Chia cổ tức	13.768.935.000	12.392.041.500
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	18.041.499.122	20.436.302.047

(*) Theo Công văn số 27/KV1-TH ngày 22/01/2013 của Kiểm toán Nhà nước khu vực I về việc kiến nghị tăng thu ngân sách Nhà nước qua kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, Công ty đã điều chỉnh số liệu vào phát sinh trong năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CỔ PHIẾU

	31/12/2012	01/01/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.179.290	917.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.179.290	917.929
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.179.290</i>	<i>917.929</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.179.290	917.929
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.179.290</i>	<i>917.929</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

20. DOANH THU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	343.862.084.976	329.157.505.538
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	336.847.265.193	323.308.318.365
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.014.819.783	5.849.187.173
Các khoản giảm trừ doanh thu	104.286.676.489	100.102.600.301
Thuế tiêu thụ đặc biệt	104.286.676.489	100.102.600.301
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	239.575.408.487	229.054.905.237

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	666.142.786	586.384.077
Giá vốn của thành phẩm đã bán	180.013.775.398	170.723.890.150
Cộng	180.679.918.184	171.310.274.227

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi	959.640.772	1.438.161.152
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	134.447	-
Cộng	959.775.219	1.438.161.152

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	1.263.299.944	3.918.577.870
Lãi chậm nộp bảo hiểm	-	355.594
Cộng	1.263.299.944	3.918.933.464

24. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập khác (1)	1.606.931.057	599.010.509
Thu từ thanh lý tài sản cố định	122.727.273	-
Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ	-	1.953.414
Hoàn nhập số dư quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	853.402.957	-
Thu khác	630.800.827	597.057.095
Chi phí khác (2)	616.399.561	285.051.513
Nộp bổ sung thuế GTGT	-	45.596.834
Nộp bổ sung tiền thuê đất	547.920.000	216.588.000
Các khoản phạt thuế, phạt hành chính	67.966.422	22.587.084
<i>Phạt chậm nộp thuế GTGT</i>	<i>1.716.422</i>	<i>18.119.283</i>
<i>Phạt vi phạm hành chính</i>	<i>66.250.000</i>	<i>4.467.801</i>
Chi khác	513.139	279.595
Lợi nhuận khác (1) - (2)	990.531.496	313.958.996

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	24.056.998.504	27.255.931.758
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	67.966.422	22.587.084
Các khoản phạt thuế, phạt hành chính	67.966.422	22.587.084
Tổng lợi nhuận tính thuế (3) = (1) + (2)	24.124.964.926	27.278.518.842
Thuế suất thuế TNDN (4)	25%	25%
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (5)	145.230.616	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (6) = (3) x (4) + (5)	6.176.471.848	6.819.629.711

(6) Điều chỉnh theo Công văn số 27/KV1-TH ngày 22/01/2013 của Kiểm toán Nhà nước khu vực I về việc kiến nghị tăng thu ngân sách Nhà nước qua kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	146.351.986.566	130.240.333.818
Chi phí nhân công	32.768.273.184	27.989.171.084
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.603.782.019	25.014.355.348
Thuế, phí, lệ phí	1.685.212.039	1.291.728.552
Chi phí dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	255.170.913
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.266.157.816	1.434.522.724
Chi phí khác	18.979.384.757	14.786.056.302
Cộng	226.654.796.381	201.011.338.741

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.880.526.655	20.436.302.047
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (1)	17.880.526.655	20.436.302.047
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (2)	9.179.290	9.179.290
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3 = 1/2)	1.948	2.226

28. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 22/01/2013, Kiểm toán Nhà nước khu vực I có Công văn số 27/KV1-TH về việc kiến nghị tăng thu ngân sách Nhà nước qua kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội. Ngày 31/01/2013, Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội có Công văn số 67/HABECO-TCKT về việc nộp ngân sách Nhà nước theo thông báo của Kiểm toán Nhà nước khu vực I. Theo các văn bản nêu trên, Công ty đã điều chỉnh số liệu vào Báo cáo tài chính năm 2012 và thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước đầu tháng 02 năm 2013.

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2012 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

29. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội		
Vốn góp	59.670.000.000	59.670.000.000
Phải thu về tiền hàng hóa, dịch vụ	1.586.049.410	3.969.823.000
Công ty Cổ phần HABECO - Hải Phòng		
Góp vốn	22.500.000.000	22.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Giao dịch với các bên liên quan	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội		
Bán hàng hoá, dịch vụ	109.632.035.700	127.586.943.000
Thu tiền hàng hóa, dịch vụ	92.270.624.072	94.003.840.636
Bù trừ công nợ phải thu với phải trả hàng hóa, dịch vụ	19.745.185.218	23.774.043.744
Bù trừ công nợ phải thu với cổ tức phải trả	-	8.055.450.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	19.745.185.218	23.774.043.744
Bù trừ công nợ phải trả với phải thu hàng hóa, dịch vụ	19.745.185.218	23.774.043.744
Chia cổ tức	8.950.500.000	8.055.450.000
Trả tiền cổ tức	8.950.500.000	-

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh - Chi nhánh Hải Phòng.

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2013
Giám đốc

Cao Thanh Dung

Tạ Thu Thủy